ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 11 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1845/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 427/TTr-SNN ngày 19/12/2022 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 06/TTr-SNV ngày 04/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2935/QĐ-CTUBND ngày 20/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Quỹ BV và PT rừng VN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh
- Lưu: VT, K12, K13.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: 120/QĐ-UBND
Thời gian ký: 11/01/2023 20:37:57 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

1. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định.

Tên giao dịch quốc tế: Binh Dinh Provinces Forest Protection and Development Fund (Binh Dinh PFPDF).

2. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Quỹ) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được thành lập theo Quyết định số 1845/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

4. Trụ sở của Quỹ đặt tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Chi hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu đầu tư.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có chức năng giúp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện huy động, tiếp nhận và quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng;

b) Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế;

d) Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ;

đ) Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng;

e) Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;

g) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;

h) Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền;

i) Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ;

k) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm theo quy định;

l) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

2. Công khai tài chính hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 72 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

4. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và số lượng người làm việc thuộc Quỹ; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với người làm việc, lao động hợp đồng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Chương III
NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính của Quỹ

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.

6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 7. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác từ nguồn kinh phí được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Điều lệ này.

2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Điều lệ này.

3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 6 của Điều lệ này, bao gồm: Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi; nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, căn cứ khả năng tài chính, Quỹ xây dựng nội dung chi, mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ; quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 8. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán Quỹ

1. Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính kế toán hiện hành. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt báo cáo quyết toán đối với Quỹ theo quy định.

3. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho Quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 9. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính Quỹ

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

3. Khuyến khích thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; khuyến khích thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

Chương IV
QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI DỰ ÁN ĐƯỢC QUỸ HỖ TRỢ

Điều 10. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ: Quy định tại khoản 3 Điều 7 của Điều lệ này.

Điều 11. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành Quỹ.

2. Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.

Điều 12. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thành lập ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Kiểm tra, đánh giá thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

1. Ban điều hành Quỹ chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trường hợp cần thiết, Ban điều hành Quỹ được thuê tư vấn để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

Chương V
TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 14. Tổ chức bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ.

Điều 15. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có 05 (năm) thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (gọi tắt là Giám đốc Quỹ);

c) Các uỷ viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định.

2. Các thành viên Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng.

3. Ban hành các quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

5. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ.

6. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

7. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhưng không được trái với Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

1. Thay mặt Hội đồng, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kiểm soát.

5. Tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng.

6. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về các công việc được ủy quyền.

7. Được sử dụng con dấu của Cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Chế độ làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng. Khi cần thiết, Hội đồng có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng chủ trì và chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền chủ trì. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được Cơ quan điều hành Quỹ chuẩn bị và gửi các thành viên Hội đồng trước ngày họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng có mặt dự họp biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng là quyết định cuối cùng. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng phải được gửi cho các thành viên của Hội đồng.

6. Chủ tịch Hội đồng thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng hay quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng.

Điều 19. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, giúp Hội đồng giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng ban Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng.

3. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kiểm soát.

4. Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế do Hội đồng phê duyệt.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Hội đồng chấp thuận.

3. Trưởng ban Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng và pháp luật nếu bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng ban Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Ban điều hành Quỹ

1. Ban điều hành Quỹ: Giám đốc, 01 (một) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ gồm người làm việc và lao động hợp đồng làm việc.

2. Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Giám đốc và Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Số lượng người làm việc của Ban điều hành Quỹ: Hằng năm căn cứ vị trí việc làm, khối lượng công việc và nguồn tài chính của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch số lượng người làm việc, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ) quyết định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban điều hành Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

2. Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

3. Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hằng năm, xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng thông qua.

4. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

5. Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng ban hành, Giám đốc Quỹ ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

6. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng ủy nhiệm nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

2. Thay mặt Giám đốc Quỹ giải quyết công việc khi được Giám đốc ủy quyền.

Điều 24. Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) của Quỹ

1. Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) giúp việc cho Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán) Quỹ, có trách nhiệm quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 25. Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ Quỹ

1. Bộ phận nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quyết định thành lập, tổ chức, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và theo quy định của pháp luật; có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc tuyển dụng người làm việc, lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ và giúp việc của Ban điều hành Quỹ, thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Bộ Luật lao động và các quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác.

Điều 26. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

3. Ban điều hành Quỹ được hưởng tiền lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm và các chế độ chính sách khác theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ và theo quy định của pháp luật hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương VI
XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 27. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật.

Điều 28. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các bộ phận nghiệp vụ

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các bộ phận nghiệp vụ trực thuộc Ban điều hành Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Trưởng ban Ban Kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

2. Những nội dung khác chưa được quy định trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện Điều lệ, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc có nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trước khi báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.